

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 272/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22-9-2020

V/v "*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Hữu Tín

+ Bà Trần Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thành Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố tam Kỳ: Bà Trần Thị Triệu Tin-
Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020.

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị X, sinh năm 1983;

- Bị đơn: Ông Đỗ Thanh T, sinh năm: 1979;

Cùng trú tại: khối phố 1, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Thanh T kết hôn năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà không nhận được sự yêu thương, tôn trọng và chia sẻ từ chồng. Bản thân ông T đã có những xử sự không chuẩn mực với bà, đôi lúc làm bà sợ hãi, bà cũng đã cố để vợ chồng hòa hợp nhưng vẫn không được.

Nay tình cảm không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Thanh T.

Về con chung: có 01 con chung Đỗ Thị Mai L, sinh ngày 10/11/2010, ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con và yêu cầu ông Đỗ Thanh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.0000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Đỗ Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Ông thừa nhận thời gian và địa điểm kết hôn cũng như hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không hòa hợp được trong cuộc sống về quan điểm, về đối nhân xử thế. Ông thừa nhận do mâu thuẫn vợ chồng, đôi khi vì bức xúc trong vấn đề làm nhà cho ba mẹ nên vợ chồng cãi vã và dẫn đến ông có hành động vát dao dọa vợ, ông sai ông chấp nhận nhưng quan điểm của ông là không đồng ý ly hôn. Vì ly hôn lúc này làm ảnh hưởng đến gia đình và con cái, tuy nhiên tại phiên tòa bà X cương quyết nên ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung là Đỗ Thị Mai L, sinh ngày 10/11/2010, tại phiên tòa ông đồng ý giao con cho vợ nuôi dưỡng, tuy nhiên ông chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giao con cho bà XT chăm sóc nuôi dưỡng; chấp nhận mức cấp dưỡng mà bị đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Bà Trương Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với ông Đỗ Thanh T. Căn cứ quy định Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ thụ lý giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị X và ông Đỗ Thanh T kết hôn năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống bà X cho rằng vợ chồng quá nhiều

khác biệt về quan điểm sống, bà không được yêu thương nên vợ chồng không hòa hợp được; ông T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không đồng quan điểm sống về cách đối nhân xử thế, do bức xúc nên đôi khi ông có hành động không chuẩn mực với bà X, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, ông vì con nên không muốn ly hôn. Hội đồng xét xử xét: Từ những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống vợ chồng nhưng không được các bên giải quyết kịp thời dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng kéo dài, bà X ông T thừa nhận hai người không có tiếng nói chung, không thấu hiểu nhau nên vợ chồng mâu thuẫn; Tại phiên tòa ông T đồng ý ly hôn. Xét mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà X yêu cầu ly hôn ông T đồng ý nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị X với ông Đỗ Thanh T.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu là Đỗ Thị Mai L, sinh ngày 10/11/2010, bà X yêu cầu nuôi con, ông T đồng ý nên ghi nhận. Riêng mức cấp dưỡng ông T chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng; xét mức yêu cầu của ông T đưa ra là phù hợp trên cơ sở mức lương hiện tại của bản thân sau khi đã trừ đi các chi phí hợp lý khác, hơn nữa nghĩa vụ nuôi dưỡng con cái là nghĩa vụ của cả hai bên, xét mức yêu cầu nêu trên là hợp lý nên cần buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là đúng theo quy định tại điều 107 và điều 110 Luật HNGD năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Trương Thị X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; ông Đỗ Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị X với bị đơn ông Đỗ Thanh T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

- Về hôn nhân: Bà Trương Thị X và ông Đỗ Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có một con chung là Đỗ Thị Mai L, sinh ngày 10/11/2010, giao cháu Đỗ Thị Mai L cho bà Trương Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đỗ Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu L đủ tuổi trưởng thành, thời gian cấp dưỡng từ tháng 9/2020.

Kể từ ngày bà Trương Thị X có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Đỗ Thanh T không nộp khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung như trên, thì hàng tháng phải

chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Về án phí:

- Bà Trương Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000654 ngày 12-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Án phí cấp dưỡng: Ông Đỗ Thanh T phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22-9-2020).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh, thành phố;
- Chi cục THA TP;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam P
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt